

Số: 06/2025/QĐST-HNGĐ

Càng Long, ngày 10 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 584/2024/TLHN-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024, Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa:

- Nguyên đơn: chị Võ Thị Phương T, sinh năm 1985.
- Bị đơn: anh Lê Minh T1, sinh năm 1984.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Cháu Lê Võ Phương M, sinh ngày 13/5/2010.
Cháu Lê Võ Minh T2, sinh ngày 02/12/2012.
Địa chỉ: cùng K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55;71;72;81;107;116;117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Võ Thị Phương T, sinh năm 1985 với anh Lê Minh T1, sinh năm 1984.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị Phương T với anh Lê Minh T1 được ly hôn.
- Về con chung: Chị Võ Thị Phương T với anh Lê Minh T1 xác định có 02 con chung tên Lê Võ Phương M, sinh ngày 13/5/2010, và Lê Võ Minh T2, sinh ngày 02/12/2012. Sau khi ly hôn chị T được quyền nuôi 02 con chung Lê Võ Phương M, và Lê Võ Minh T2 là phù hợp với nguyện vọng của các con, chị T không yêu cầu anh T1 phụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Minh T1 được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dạy

con chung không ai được quyền ngăn cấm.

- Về tài sản chung: Chị Võ Thị Phương T với anh Lê Minh T1, khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị Võ Thị Phương T với anh Lê Minh T1, khai không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Võ Thị Phương T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm chục ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005038, ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, chị T được nhận lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa.

- Anh Lê Minh T1 không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Càng Long;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện Càng Long.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lê Văn Tâm